

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn : Ăn Chính
Độ tuổi : Mẫu giáo + N
Tổng số trẻ : 308

Sáng : Bánh canh thịt tôm tươi nấu mướp cà
rốt
Sữa grow
Trưa : Cơm chà cá sốt cà chua
Canh rong biển giá đậu hũ thịt heo nạc ngò
rì
Món luộc: bầu
Tráng miệng: dưa hấu
Xế: sữa grow
Xế chiều: Phở bò cà rốt giá rau húng hành
tây

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ : 36970

STT	Tên thực phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỢ				
1	Rạm (muối)	2,000	1,060	21,200
2	Chả cá ba sa	11,000	11,880	1,306,800
3	Tôm khô	200	87,560	175,120
4	Tôm biển	2,500	36,540	913,500
5	Nước mắm Cá (loại 1)	3,000	6,820	204,600
6	Đậu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Đường cát	3,000	3,880	116,400
8	Đậu mè	1,000	4,200	42,000
9	Xì dầu	1,000	1,100	11,000
10	Gạo tẻ máy	15,000	2,630	394,500
11	Đậu phụ (đậu hũ)	3,500	3,300	115,500
12	Hành lá	1,200	5,360	64,320
13	Hành củ tươi	1,000	6,300	63,000
14	Cà rốt	6,000	5,570	334,200
15	Giá đậu xanh	2,000	2,780	55,600
16	Nấm rơm	1,000	14,180	141,800
17	Rau húng	100	11,130	11,130
18	Hành tây	500	3,680	18,400
19	Bí (bầu)	3,500	3,570	124,950
20	Mướp	2,000	4,200	84,000
21	Rau sam	2,000	18,150	363,000
22	Rau ngò (Rau mùi)	200	8,820	17,640
23	Cà chua	3,500	6,300	220,500
24	Bánh phở	15,000	1,820	273,000
25	Bánh canh	19,000	2,200	418,000
26	Thịt lợn nạc	6,500	18,900	1,228,500
27	Thịt bò loại 1	3,000	37,910	1,137,300
28	Dưa hấu	24,000	2,310	554,400
Cộng				8,598,760
*XUẤT KHO				
29	Sữa bột Abbot Grow	13,600	20,500	2,788,000
Cộng				2,788,000
Tổng tiền thực phẩm				11,386,760 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền được chi trong ngày				11396000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				9240(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				

Cấp dưỡng

No Ngọc Thủy



PHI duyệt

Đương Ngọc Thủy Tiên

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn : Ăn Chính
Độ tuổi : Mẫu giáo + NT
Tổng số trẻ : 307

Sáng : Bún riêu thịt cà chua trứng giá đậu
hủ ngò gai
Sữa grow
Trưa : Cơm thịt kho nấm cà rốt
Canh bí đỏ tôm tươi thịt heo nạc
Món luộc: su su, cà rốt
Xế: Sữa chua uống cam
Xế chiều: Cháo cá hồi cà rốt phô mai

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ : 37003

STT	Tên thực phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(d/100g)	Thành tiền(d)
*CHỢ				
1	Rạm (muối)	3,000	1,060	31,800
2	Cá hồi	3,000	51,980	1,559,400
3	Tôm biển	1,200	36,540	438,480
4	Nước mắm Cá (loại 1)	3,000	6,820	204,600
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Dường cát	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	4,200	42,000
8	Xi dầu	1,000	1,100	11,000
9	Gạo tẻ máy	24,000	2,630	631,200
10	Hành lá	1,500	5,360	80,400
11	Hành củ tươi	1,000	6,300	63,000
12	Cà chua	3,500	6,300	220,500
13	Giá đậu xanh	1,000	2,780	27,800
14	Cà rốt	6,500	5,570	362,050
15	Rau mùi tàu (ngò gai)	100	6,620	6,620
16	Bí ngô (Bí đỏ)	9,000	3,990	359,100
17	Nấm rơm	1,500	14,180	212,700
18	Su su	3,000	3,360	100,800
19	Bún	17,000	1,710	290,700
20	Đậu hũ chiên	3,000	3,300	99,000
21	Phô mát	3,000	7,150	214,500
22	Thịt lợn nạc	14,700	18,900	2,778,300
23	Trứng vịt	3,000	5,400	162,000
24	Sữa chua Daisy(1 lít)	30,700	5,950	1,826,650
Cộng				10,027,400
*XUẤT KHO				
25	Sữa bột Abbot Grow	6,500	20,500	1,332,500
Cộng				1,332,500
Tổng tiền thực phẩm				11,359,900 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền được chi trong ngày				11359000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-900(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				

Cấp dưỡng

AO Ngọc Thuý

PHỤ DUYỆT



Dương Ngọc Thùy Tiên

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn : Ăn Chính
Độ tuổi : Mẫu giáo + NT
Tổng số trẻ : 314

Sáng : Bánh mì ốp la nước mắm
NT: Hủ thu thịt năm mướp cà rốt
Sữa grow
Trưa : Cơm bò kho cà rốt củ cải trắng
Canh rau muống tôm khô thịt heo nạc
Món xào: đậu đũa
Xế: sữa grow
Xế chiều: Nui thịt năm mướp cà rốt su su

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ : 37022

STT	Tên thực phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỢ				
1	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
2	Tôm khô	200	87,560	175,120
3	Nước mắm Cá (loại 1)	4,000	6,820	272,800
4	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
5	Đường cát	3,000	3,880	116,400
6	Dầu mè	1,000	4,200	42,000
7	Gạo tẻ máy	15,000	2,630	394,500
8	Hủ tíu	2,500	1,820	45,500
9	Hành lá	1,500	5,360	80,400
10	Hành củ tươi	1,000	6,300	63,000
11	Cà rốt	7,000	5,570	389,900
12	Nấm rơm	1,000	14,180	141,800
13	Mướp	3,000	4,200	126,000
14	Củ cải trắng	2,000	3,150	63,000
15	Rau muống	6,500	3,470	225,550
16	Su su	1,000	3,360	33,600
17	Đậu cô ve (tươi)	3,500	6,720	235,200
18	Bánh mì lát	13,500	5,000	675,000
19	Nui	8,500	3,520	299,200
20	Thịt lợn nạc	7,000	18,900	1,323,000
21	Thịt bò loại 1	9,000	37,910	3,411,900
22	Trứng gà toàn phần	13,500	4,400	594,000
Cộng				8,980,270
*XUẤT KHO				
23	Sữa bột Abbot Grow	12,900	20,500	2,644,500
Cộng				2,644,500
Tổng tiền thực phẩm				11,624,770 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền được chi trong ngày				11618000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-6770(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				

Cấp dưỡng

[Signature]

Ao Ngọc Thuý



PTT duyệt

[Signature]
Dương Ngọc Thủy Tiên

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn : Ăn Chính
Độ tuổi : Mẫu giáo + NT
Tổng số trẻ : 288

Sáng : cháo thịt cà rốt khoai tây mè
Sữa grow
Trưa : Cơm cá thu sốt thơm cà chua
Canh bí xanh tôm khô thịt heo nạc ngò ri
Món luộc: cải thảo, cà rốt
Xế: bánh flan
Xế chiều: Bún gạo thịt nấm mướp cà rốt bắp
giá

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ : 36993

STT	Tên thực phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỢ				
1	Rạm (muối)	1,000	1,060	10,600
2	Cá thu	8,000	32,340	2,587,200
3	Tôm khô	200	87,560	175,120
4	Nước mắm Cá (loại 1)	3,000	6,820	204,600
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Đường cát	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	4,200	42,000
8	Gạo tẻ máy	22,000	2,630	578,600
9	Mè (vừng)	200	11,880	23,760
10	Ngô (bắp) tươi	1,000	3,680	36,800
11	Hành lá	1,500	5,360	80,400
12	Hành củ tươi	1,000	6,300	63,000
13	Cà chua	3,000	6,300	189,000
14	Giá đậu xanh	1,000	2,780	27,800
15	Cà rốt	6,000	5,570	334,200
16	Nấm rơm	500	14,180	70,900
17	Mướp	2,000	4,200	84,000
18	Rau ngò (Rau mùi)	100	8,820	8,820
19	Khoai tây	2,000	4,520	90,400
20	Cải thảo*	3,000	3,990	119,700
21	Bí đao (Bí xanh)	9,000	4,150	373,500
22	Bánh flan	28,800	6,770	1,949,760
23	Bánh trắng bún gạo	7,000	6,600	462,000
24	Thịt lợn nạc	9,100	18,900	1,719,900
25	Dứa ta	1,000	3,050	30,500
Cộng				9,567,360
*XUẤT KHO				
26	Sữa bột Abbot Grow	5,300	20,500	1,086,500
Cộng				1,086,500
Tổng tiền thực phẩm				10,653,860 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền được chỉ trong ngày				10656000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				2140(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				

Cấp dưỡng

Ao Ngọc Thủy



PHỤ TRƯỞNG

Dương Ngọc Thủy Liên